

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/HNGĐ-ST

Ngày 16-7-2020

“V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Anh Luyện**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phùng Ngọc Tuấn**

2. Bà **Trần Thị Hoài**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Nga** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Bà **Võ Thu Hằng** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2020/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2020 về việc Ly hôn và tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Chương Thị L**; Sinh ngày 18-02-1993; Dân tộc: Nùng; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Nơi ĐKKHKT: Thôn Cường Thịnh, xã Phương T, huyện V, tỉnh H; Ở hiện nay: Thôn Buốt, xã Đồng T, huyện B, tỉnh H (Vắng mặt có đơn xin xét xử).

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn V**; Sinh ngày 19-8-1991; Dân tộc: Tày; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Địa chỉ: Thôn Cường Thịnh, xã Phương T, huyện V, tỉnh H (Vắng mặt lần thứ hai không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 02 năm 2020 cùng các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Chương Thị L trình bày: Chị L và anh Nguyễn Văn V trước khi kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Có đăng ký kết hôn vào ngày 28-03-2011 tại Ủy ban nhân dân xã Phương T, huyện V, tỉnh H. Sau khi kết hôn vợ, chồng chung sống hòa thuận. Đến khoảng tháng 04-2013 vợ, chồng phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do cuộc sống gia đình chị có nhiều điều bất đồng trong làm ăn kinh tế, cuộc sống không hòa thuận, nên thường xuyên xảy ra cãi vã nhau, bên cạnh đó anh Nguyễn Văn V không chịu khó làm ăn, giúp đỡ gia đình mà thường xuyên ham chơi bạn bè tụ tập, Chị L có khuyên bảo thì anh V không nghe còn có những lời lẽ xúc phạm, đánh đập Chị L nhiều lần,

vợ, chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2017 cho đến nay, Chị L đã về ở với bố mẹ đẻ tại thôn Buốt, xã Đồng T, huyện B, tỉnh H. Nay Chị L xét thấy tình cảm vợ, chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, Chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho Chị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn V để mỗi người có một cuộc sống riêng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ, chồng Chị L và anh V có một con chung là cháu Nguyễn Thị T - Sinh ngày: 06-7-2011; Hiện nay cháu đang ở với anh Nguyễn Văn V tại Thôn Cường Thịnh, xã Phương T, huyện V, tỉnh H. Khi ly hôn Chị L có nguyện vọng giao cháu T cho anh Nguyễn Văn V được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Quá trình chung sống vợ, chồng Chị L không tạo lập được khối tài sản chung nào, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Vợ, chồng không có tranh chấp về tài sản riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã tiến hành thụ lý vụ án và tiến hành các bước theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với anh Nguyễn Văn V nhiều lần, nhưng anh V không đến Tòa án để làm việc. Ngày 04-6-2020, Tòa án đã tiến hành xác minh mâu thuẫn tình cảm vợ, chồng chị L, anh V tại thôn Cường Thịnh, xã Phương T, huyện V, tỉnh H. Qua xác minh cho thấy, anh V hiện tại vẫn có mặt tại địa phương, anh V đã nhận được đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án. Về mâu thuẫn gia đình Chị L và anh V là do anh V thường xuyên đi chơi bời, không chăm lo đến gia đình, phía anh V có quan điểm từ chối đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn. Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không được vì các đương sự V vắng mặt (Đã được triệu tập hợp lệ 02 lần). Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa ngày hôm nay: Chị L có đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 19 tháng 6 năm 2020. Chủ tọa phiên tòa thay mặt Hội đồng xét xử công bố toàn bộ nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, đơn xin giải quyết vắng mặt của Chị L và các tài liệu kèm theo. Chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là xin ly hôn với anh V. Về phần con chung: Chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu và đề nghị Tòa án giao cháu Nguyễn Thị T - Sinh ngày: 06-7-2011; Hiện nay cháu đang ở với anh Nguyễn Văn V tại Thôn Cường Thịnh, xã Phương T, huyện V, tỉnh H. Khi ly hôn Chị L có nguyện vọng giao cháu T cho anh Nguyễn Văn V được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và có quyền thăm con sau khi ly hôn. Về tài sản chung và công nợ: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ngày hôm nay: Anh Nguyễn Văn V vắng mặt không có lý do (Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án

không có gì sai phạm. Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V về việc giải quyết vụ án:

Áp dụng khoản 1 Điều 55; khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1; 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 4 Điều 147 Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Đề nghị xét xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con” của chị Chương Thị L đối với anh Nguyễn Văn V.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Chương Thị L và anh Nguyễn Văn V ly hôn.

3. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị T - Sinh ngày: 06-7-2011 cho anh Nguyễn Văn V trú tại Thôn Cường Thịnh, xã Phương T, huyện V, tỉnh H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu T trưởng thành đủ 18 tuổi, kể từ ngày 16-7-2020. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền thăm con chung sau khi ly hôn.

4. Về tài sản, công nợ: Chị L và anh V không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí, quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị L có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện V giải quyết việc hôn nhân của Chị L và anh V. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai và tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Chương Thị L và anh Nguyễn Văn V xác lập quan hệ vợ chồng với nhau theo đúng các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 28-03-2011 tại Ủy ban nhân dân xã Phương T, huyện V, tỉnh H nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi về chung sống với nhau vợ, chồng chị L, anh V chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do vợ, chồng có nhiều quan điểm bất đồng, trái ngược nhau trong công việc làm ăn kinh tế, cuộc sống không hòa thuận, thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Anh V thường xuyên đi chơi bời, không chăm lo đến gia đình. Chị L và anh V đã sống ly thân với nhau từ năm 2017 cho đến nay. Mục đích hôn nhân không đạt được nên Chị L có đơn xin ly hôn với anh V. Tòa án nhận thấy về tình trạng hôn nhân giữa Chị L và anh V cuộc sống chung không hòa hợp, anh V thường xuyên đi chơi bời, không chăm lo đến gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu

xin ly hôn của Chị L đối với anh V là phù hợp. Theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: trong quá trình trung sống vợ, chồng có cháu Nguyễn Thị T - Sinh ngày: 06-7-2011. Tòa án xét thấy, cần chấp nhận yêu cầu của Chị L là phù hợp để bảo đảm cuộc sống cho cháu T và phù hợp nguyện vọng của cháu T ngày 07-5-2020 xin được ở với bố đẻ (là anh V) nên giao cháu Nguyễn Thị T - Sinh ngày: 06-7-2011; cho anh Nguyễn Văn V, trú tại Thôn Cường Thịnh, xã Phương T, huyện V, tỉnh H, được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu T trưởng thành đủ 18 tuổi, kể từ ngày 16 -7-2020. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền thăm con chung sau khi ly hôn. Theo quy định tại khoản 1; 2 Điều 81; khoản 1; 3 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Chị L và anh V không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Quyền kháng cáo: Chị L và anh V được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện: Về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” của Chương Thị L đối với anh Nguyễn Văn V.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Chương Thị L và anh Nguyễn Văn V. ly hôn.

3. Về con chung:

Giao cháu Nguyễn Thị T - Sinh ngày: 06-7-2011 cho anh Nguyễn Văn V trú tại Thôn Cường Thịnh, xã Phương T, huyện V, tỉnh H, được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu T trưởng thành đủ 18 tuổi, kể từ ngày 16 -7-2020. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền thăm con chung sau khi ly hôn.

4. Về án phí: Chị Chương Thị L phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 02237 ngày 03 tháng 03 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh H. (Chị L nộp đủ tiền án phí.)

5. Quyền kháng cáo: Báo cho chị Chương Thị L và anh Nguyễn Văn V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7; Điều 7a; Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện V;
- TAND tỉnh;
- THADS huyện V;
- Các đương sự;
- UBND xã Phương T
huyện V, tỉnh H.
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lâm Anh Luyện

